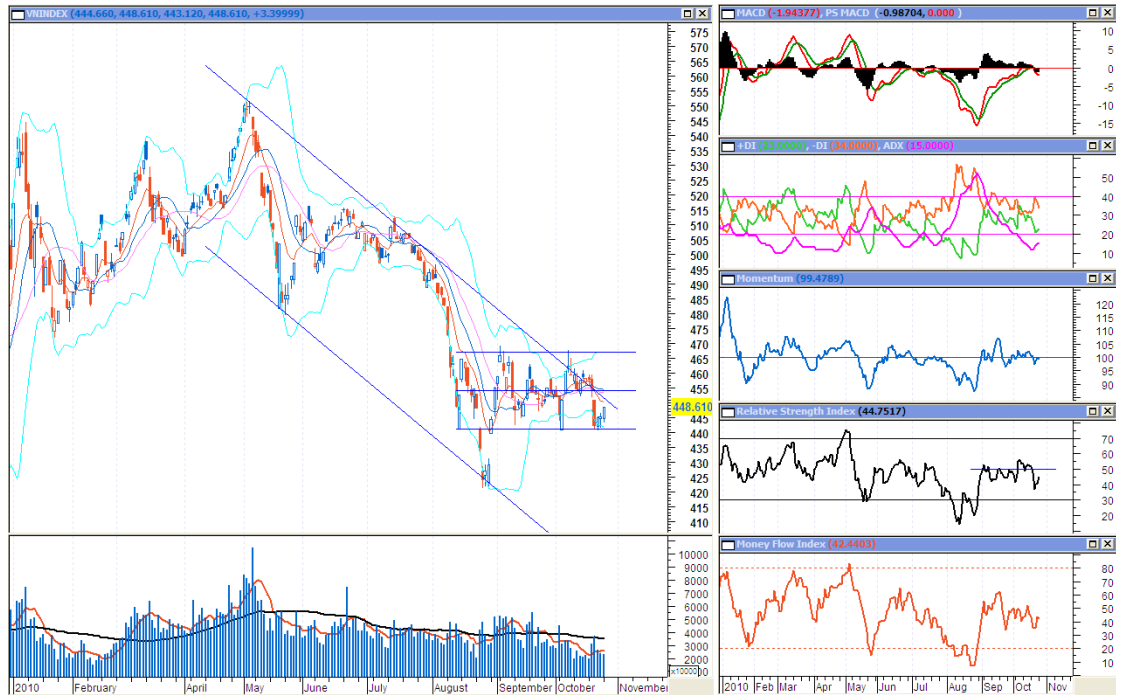


### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

*Hồi phục nhẹ*



Chỉ số CPI tháng 10 tăng đột biến khi đạt 1,05% đang khiến khả năng các chính sách ổn định vĩ mô được áp dụng trong thời gian tới, từ đó làm giảm dòng tiền vào thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, trong phiên giao dịch hôm nay, thông tin này dường như chưa được phản ánh trong biến động giá chứng khoán. Khởi đầu phiên giao dịch, VN-Index điều chỉnh giảm nhẹ nhưng áp lực bán yếu và không có dấu hiệu gia tăng đã giúp chỉ số hồi phục thời gian sau đó. Duy trì đà hồi phục, chỉ số đã đóng cửa tại 448,61 điểm, tăng 3,4 điểm, tương ứng 0,76% so với phiên giao dịch trước.

Phiên giao dịch hôm nay có 151 cổ phiếu tăng giá, 47 cổ phiếu giảm giá nhưng khối lượng khớp lệnh trong phiên không có sự cải thiện khi giảm 3,16% so với phiên giao dịch trước. Trong những phiên giao dịch gần đây, khối lượng bán ra tuy không nhiều nhưng bên mua vẫn khá bình tĩnh mua vào ở vùng giá thấp dẫn tới VN-Index khó hồi phục. Trong khi giao dịch khớp lệnh đang giảm dần, giao dịch thỏa thuận lại diễn ra sôi động với khối lượng lớn. Phiên giao dịch hôm nay đã có hơn 5,2 triệu đơn vị cổ phiếu được giao dịch, đưa tổng khối lượng giao dịch lên mức 28,67 triệu cổ phiếu, tương đương 735 tỷ đồng giá trị.

Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục mua ròng các cổ phiếu Bluechips với tỷ trọng giao dịch lớn trên 50% khối lượng giao dịch của các cổ phiếu này. Tiêu biểu như tỷ trọng mua của khối ngoại chiếm 90,81% khối lượng giao dịch của cổ phiếu VIC, 76,42% khối lượng giao dịch của cổ phiếu PVF, 52,29% khối lượng giao dịch của cổ phiếu DPM. Tuy tiếp tục mua ròng cổ phiếu có vốn hóa lớn, khối ngoại đã bán ròng 2,2 tỷ đồng giá trị trong phiên giao dịch hôm nay khi họ bán thỏa thuận 1,25 triệu đơn vị cổ phiếu VPL, tương ứng 36 tỷ đồng giá trị.

*Sau 3 phiên dao động tại vùng 440 điểm, VN-Index hồi phục nhẹ mặc dù sự hồi phục này có hai điểm yếu: (i) sự hồi phục chỉ đến vào cuối phiên; (ii) sự tăng điểm có phần yếu do MSN*

và VIC tăng điểm tác động làm VN-Index tăng điểm. Các số liệu vĩ mô tiếp tục thể hiện rủi ro dòng tiền vào thị trường trong ngắn hạn sẽ không dồi dào. Trạng thái tăng điểm của thị trường tiếp tục thể hiện tâm lý thận trọng của nhà đầu tư. Như vậy, trong ngắn hạn, nếu khối lượng giao dịch không có sự cải thiện đáng kể, nhà đầu tư có thể tạm dừng sự hồi phục của chỉ số để bán bớt chứng khoán trong danh mục. Đối với nhà đầu tư giá trị, mức P/E trung bình thị trường tại 9,6 lần đang là cơ hội tốt để mua vào. Tuy vậy, nhà đầu tư có thể bình tĩnh mua gom tại những giá hợp lý, tránh việc đuổi theo các mức giá cao.

**HNX:**

*Giao dịch yếu*



Trong hầu hết thời gian giao dịch HNX-Index hình thành xu thế giảm giá khá rõ ràng. Mặc dù đà giảm chậm lại khi chỉ số giảm về sát mức hỗ trợ tâm lý 100 điểm nhưng phải tới khi VN-Index thật sự hồi phục, đà hồi phục trên HNX-Index mới xuất hiện. Trong 15 phút cuối, HNX-Index điều chỉnh giảm nhẹ so với thời điểm trước đó khi giá giao dịch vượt trên giá bình quân. Động thái bán ra của nhà đầu tư cho thấy họ tiếp tục kỳ vọng có thể mua được ở giá tốt hơn trong phiên giao dịch tiếp theo. Tâm lý nghi ngờ về sự hồi phục của thị trường vẫn chi phối chính. Đóng cửa tại 111,77 điểm, HNX-Index tăng 0,45 điểm, tương ứng 0,40% so với phiên trước.

Lực cầu bắt đáy trên HNX-Index có dấu hiệu giao tăng khi chỉ số này giảm về mức hỗ trợ tâm lý 100 điểm. Khối lượng khớp lệnh trong phiên tăng nhẹ lên 20,16 triệu đơn vị, nhưng tổng khối lượng giao dịch (bao gồm giao dịch thỏa thuận) chỉ đạt 20.73 triệu đơn vị cổ phiếu, giảm 1,03% so với phiên trước. Phiên này có 182 cổ phiếu tăng giá và 100 cổ phiếu giảm giá.

Với trạng thái giao dịch yếu của thị trường, chúng tôi tiếp tục giữ góc nhìn thận trọng đối với các biến động của HNX-Index. Nhà đầu tư có thể giữ quan sát đối với các cổ phiếu niêm yết trên HNX và có thể mua vào khi xu thế thị trường rõ ràng hơn.

### Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên này trong số các cổ phiếu thuộc PVN có 23 cổ phiếu tăng giá, 3 cổ phiếu giảm giá. Trung bình nhóm cổ phiếu này tăng 1,85% với khối lượng giao dịch đạt 6,1 triệu cổ phiếu. Các cổ phiếu tăng giá mạnh nhất gồm PVV tăng 6,34%, PTL tăng 4,96%, PHH tăng 4,90%. Các cổ phiếu giảm giá gồm PGS giảm 1,99%, PVG giảm 0,68%, PVI giảm 3,55%. Các cổ phiếu có vốn hóa lớn như DPM, PVF hay PVX tiếp tục được khối ngoại mua ròng.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 25/10:

| STT | Mã  | Tên công ty                                      | Giá đóng cửa (VNĐ) | KLGD (cp) | Tăng/Giảm (%) | Nơi giao dịch |
|-----|-----|--|--------------------|-----------|---------------|---------------|
| 1   | ICG | CTCP Xây dựng Sông Hồng                          | 18,500             | 189,100   | ↑ 0.54        | HNX           |
| 2   | PDC | CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông                 | 11,800             | 23,000    | ↑ 4.42        | HNX           |
| 3   | PGS | CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam            | 34,400             | 252,400   | ↓ -1.99       | HNX           |
| 4   | PHH | CTCP Hồng hà Dầu khí                             | 15,000             | 204,200   | ↑ 4.90        | HNX           |
| 5   | PSI | CTCP Chứng Khoán Dầu khí                         | 13,100             | 105,900   | ↑ 2.34        | HNX           |
| 6   | PVA | CTCP Xây dựng Dầu khí Nghệ An                    | 43,500             | 309,100   | ↑ 2.35        | HNX           |
| 7   | PVC | Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí    | 28,300             | 394,300   | ↑ 3.66        | HNX           |
| 8   | PVE | CTCP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí           | 20,800             | 81,600    | ↑ 2.97        | HNX           |
| 9   | PVG | CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc            | 14,600             | 34,600    | ↓ -0.68       | HNX           |
| 10  | PVI | Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí                       | 16,300             | 107,500   | ↓ -3.55       | HNX           |
| 11  | PVL | CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam      | 17,200             | 251,800   | ↑ 0.58        | HNX           |
| 12  | PVR | CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam | 13,000             | 65,700    | ↑ 2.36        | HNX           |
| 13  | PVS | Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí               | 25,800             | 65,000    | ↑ 0.39        | HNX           |
| 14  | PVV | CTCP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC             | 21,800             | 20,300    | ↑ 6.34        | HNX           |
| 15  | PVX | Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam               | 20,800             | 2,308,000 | ↑ 0.97        | HNX           |
| 16  | DPM | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí        | 33,300             | 427,880   | ↑ 1.83        | HSX           |
| 17  | PET | Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí               | 16,900             | 201,140   | ↑ 1.20        | HSX           |
| 18  | PGD | CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam      | 29,900             | 35,930    | ↑ 0.67        | HSX           |
| 19  | PTL | CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí            | 12,700             | 72,500    | ↑ 4.96        | HSX           |
| 20  | PVD | Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí         | 44,900             | 160,880   | ↑ 0.90        | HSX           |
| 21  | PVF | Tổng CTCP Tài chính Dầu khí                      | 21,700             | 207,500   | ↑ 0.93        | HSX           |
| 22  | PVT | Tổng CTCP vận tải Dầu khí                        | 10,700             | 272,460   | ↑ 0.94        | HSX           |
| 23  | PXI | CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí     | 16,400             | 180,810   | ↑ 4.46        | HSX           |
| 24  | PXM | CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung                  | 12,300             | 66,800    | ↑ 4.24        | HSX           |
| 25  | PXS | CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí         | 14,900             | 54,420    | ↑ 1.36        | HSX           |
| 26  | PXT | CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí           | 11,300             | 75,180    | ↑ 0.89        | HSX           |
| 27  | NT2 | CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2               | 9,700              | 60,500    | → 0.00        | UPCOM         |
| 28  | PCT | CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long                    | 6,900              | 2,200     | ↑ 2.99        | UPCOM         |
| 29  | POV | CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng                   | 14,000             | -         | → 0.00        | UPCOM         |
| 30  | PSB | CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình           | 9,100              | 35,100    | ↓ -1.09       | UPCOM         |
| 31  | PSP | CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ                | 7,600              | 1,200     | ↓ -3.80       | UPCOM         |
| 32  | PTT | CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương                  | 8,700              | 100       | ↓ -8.42       | UPCOM         |

## TIN KINH TẾ

Nguồn: Thomson Reuters,  
Google Finance;  
CNNMoney, CNBC



Chứng khoán châu Á bắt đầu một tuần với sắc xanh trên nhiều thị trường lớn

### Một tuần đã qua, sau đây là những tin đáng quan tâm

**G20 nỗ lực ngăn chặn chiến tranh tiền tệ.** Bộ trưởng tài chính nhóm G20 đã đạt được sự nhất trí, ở một mức độ nào đó, kết thúc “cuộc chiến tiền tệ”, cuộc chiến được cảnh báo sẽ kết thúc với sự tàn phá tiến trình hồi phục kinh tế toàn cầu, sỏi mòn lòng tin giữa các quốc gia và cuối cùng, không ai được lợi.

Hội nghị lần này của Bộ trưởng G20 cũng đạt được thỏa thuận về cải tổ IMF theo hướng dành nhiều ảnh hưởng hơn cho các nền kinh tế mới nổi.

Tuần này sẽ có nhiều thông tin kinh tế quan trọng được công bố tại Mỹ, trong đó sự tập trung sẽ hướng về số liệu GDP quý III và thông tin từ thị trường nhà đất (doanh số bán nhà và chỉ số giá nhà đất S&P/Case-Shiller Home Price Index).

**Việt Nam – chỉ số CPI tháng 10 tăng vượt dự báo.** Tổng cục Thống kê công bố chỉ số CPI của cả nước tăng 1,05%, mức cao nhất ghi nhận vào tháng 10 trong nhiều năm trở lại đây. So với cùng kỳ năm trước, CPI tăng 9,66%, và tăng 7,58% so với cuối năm 2009. Như vậy dự địa tăng CPI của 2 tháng cuối năm chỉ còn khoảng 0,42% để đạt mục tiêu lạm phát cả năm 8% như Chính phủ đề ra.

Theo nhận định của chúng tôi, kiềm chế lạm phát dưới 10% trong năm nay đã là một thành công của Việt Nam. Tuy nhiên với diễn biến giá tiêu dùng đang có xu hướng tăng mạnh hơn về cuối năm nay, đầu năm sau, chúng tôi cho rằng sẽ có những thay đổi về chính sách điều hành kinh tế theo hướng tiếp tục thắt chặt. Ấn số chỉ là cách thức, mức độ và thời điểm đưa ra để hạn chế mâu thuẫn với chính sách giảm lãi suất, hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ.

Thực tế là Chính phủ gần đây đã khẳng định lại mục tiêu ưu tiên kiềm chế lạm phát sau khi hồi thúc NHNN và các bộ, ngành đưa ra biện pháp quyết liệt để ổn định giá về cuối năm.

**Nhiều khả năng chính sách tiền tệ sẽ tiếp tục được thắt chặt một cách hạn chế và có tập trung vào những lĩnh vực phi sản xuất với mục tiêu trung hòa giữa ổn định và tăng trưởng.** Chính sách tài khóa nhiều khả năng cũng được thắt chặt để phù hợp với đề nghị giảm bội chi ngân sách của Quốc hội, tuy nhiên dự địa từ nay tới cuối năm không còn nhiều.

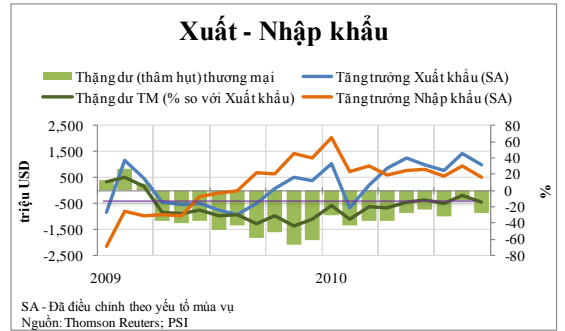
**Xuất nhập khẩu cùng giảm, nhập siêu được kiểm chế.** Một lần nữa Tổng cục Hải quan công bố số liệu chính thức về xuất nhập khẩu có khác biệt khá lớn so với số ước tính của Tổng cục Thống kê. Nhập siêu lũy kế tới cuối tháng 9 đạt 8,4 tỷ USD, tương đương 16,3% kim ngạch xuất khẩu, và còn cách khá xa so với chỉ tiêu 13,6 tỷ USD được đề ra.

Tuy nhiên sự lạc quan về chỉ tiêu nhập siêu khó xua tan được lo ngại tình hình xuất nhập khẩu giảm sút trong thời gian vừa qua. Xuất khẩu trong tháng 9 mặc dù tiếp tục trên mức 6

tỷ USD, nhưng giảm tới 11% so với tháng 8, trong đó hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực đều giảm về lượng. Nhập khẩu giảm 3,9%, xuống dưới 7 tỷ USD trong tháng 9, trong đó nhiều mặt hàng nhập khẩu chủ lực giảm mạnh như xăng dầu, nguyên liệu dược phẩm, phân bón...

Xu hướng của xuất nhập khẩu những tháng gần đây đang cho thấy sự giảm sút của sản xuất, đặc biệt là sản xuất phục vụ xuất khẩu trên bình diện toàn nền kinh tế. Đây là dấu hiệu đáng lo ngại đối với đà tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn tiếp theo.

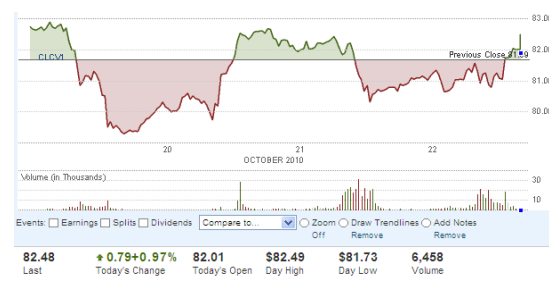
**Tỷ giá đầu tuần tiếp tục tăng.** Khoảng 9 giờ sáng nay, khảo sát tỷ giá trên thị trường tự do, giá USD được mua/bán ở mức trung bình 19.120/19.180 VND/USD. Tỷ giá niêm yết chính thức tại NHTM vẫn ở mức sát trần 19.500 VND/USD. Như vậy thông tin NHNN sẽ “bom” ngoại tệ cho NHTM không có mấy tác dụng cân bằng tâm lý thị trường. Tỷ giá đã duy trì trên 20.000 VND/USD trong nhiều phiên gần đây và chưa có xu hướng ngừng tăng.



## THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Nguồn: Reuters, Google Finance; CNMMoney, CNBC

### Giá dầu kỳ hạn (NYMEX)



### Giá vàng kỳ hạn (COMEX)



Giá vàng rớt giá mạnh, dầu thô đi ngang trước biến động của USD

**Giá vàng tiếp tục đi xuống trong phiên cuối tuần.** Chốt phiên giao dịch cuối tuần tại thị trường New York, giá vàng xuống mức 1.325 USD/oz do đồng USD mạnh lên nhờ kỳ vọng G20 sẽ thống nhất chấm dứt cuộc chiến tiền tệ giữa các nước lớn. Vào 10:38 (GMT+7) sáng nay, vàng giao ngay tại London đang ở mức 1.338,9 USD/oz. Vàng kỳ hạn ở mức 1.339.4 USD/oz.

**Dầu thô chốt cuối tuần ở mức trên 81 USD.** Giá dầu dừng lại ở mức 81 USD sau khi mất hơn 2% vào phiên ngày thứ Năm tuần trước. Giới đầu tư tiếp tục chờ đợi kết quả phiên họp của nhóm G20, được dự đoán sẽ đạt được thỏa thuận xung quanh vấn đề tỷ giá giữa các nước lớn. Tại thời điểm 10:44 GMT+7 sáng nay, giá dầu kỳ hạn ở mức 82,36 USD/thùng, giá dầu Brent giao tháng 10 tại London ở mức 83,54 USD/thùng.

**Gạo có thể tiếp tục tăng giá do sản lượng giảm.** Hiệp hội sản xuất gạo Mỹ cho biết sản lượng gạo của Mỹ, nước xuất khẩu lớn thứ 4 thế giới này năm nay có thể giảm ít nhất 10% so với dự kiến, và điều đó có thể đẩy giá tăng thêm 30%. Trước đó, Hiệp hội này dự báo sản lượng năm nay đạt kỷ lục cao. Liên Hiệp quốc ngày 1/9 cũng đã điều chỉnh giảm mức dự báo về sản lượng gạo thế giới, là lần điều chỉnh giảm thứ 2 kể từ tháng 4, do mức nước ở sông Mê Kông giảm có thể làm giảm năng suất ở Thái Lan và Việt Nam, hai nước xuất khẩu lớn nhất thế giới, và lũ lụt ở Pakistan. Co hẹp về nguồn cung có thể đẩy giá gạo tăng mạnh trong năm tới.

## LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

### Lịch đấu giá các công ty

| Công ty  | VĐL<br>(tỷ<br>đồng) | Tổng số<br>CP chào<br>bán | Giá khởi<br>điểm (đ/cp) | Ngày đấu<br>giá | Thời gian nhận đặt<br>cọc                               |
|--|---------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|---|
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Trường Thịnh      | 34.70               | 924,709                   | 17,000                  | 19/11/2010      | Từ 27/10/2010   |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam                          | 18950               | 94,750,000                | 31,000                  | 17/11/2010      | Từ 26/10/2010   |
| Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí                    | 102.5               | 9,250,000                 | 13,500                  | 15/11/2010      | 0   |
| CTCP Đầu tư Xuất nhập khẩu Đắc Lắc                 | 70                  | 1,650,000                 | 14,000                  | 12/11/2010      | Từ 8h30 ngày<br>18/10/2010 đến 15h30<br>ngày 05/11/2010 |
| Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang | 350                 | 8,238,800                 | 10,200                  | 11/11/2010      | Từ 18/10/2010   |
| Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp VN               | 550                 | 8,870,100                 | 10,900                  | 09/11/2010      | 16 giờ 30 phút thứ Tư<br>ngày 13/10/2010                |
| Công ty Phân bón Bình Điền                         | 397                 | 7,371,300                 | 11,000                  | 09/11/2010      | Từ 20/10/2010   |
| CTCP Sản xuất Thương mại hữu nghị Đà Nẵng          | 50                  | 2,855,827                 | 12,000                  | 05/11/2010      | Từ 8h30 ngày<br>19/10/2010 đến 15h30<br>ngày 29/10/2010 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Hóa Lông Miền Bắc   | 266.17              | 7,322,150                 | 14,000                  | 02/11/2010      | Từ 8h30 ngày<br>07/10/2010 đến 15h30<br>ngày 26/10/2010 |
| Cảng Mỹ Thới An Giang                              | 138                 | 3,201,900                 | 10,200                  | 28/10/2010      | 0   |
| Xí nghiệp in Sóc Trăng                             | 19.596              | 1,689,312                 | 10,500                  | 26/10/2010      | Từ 5/10/2010  |

### Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

| Công ty  | Địa chỉ đăng<br>ký niêm yết | VĐL<br>(tỷ đồng) | Ngày nộp hồ sơ |
|--|-----------------------------|------------------|----------------|
| CTCP Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam                | HNX                         | 150              | 20/10/2010     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I | HSX                         | 38               | 18/10/2010     |
| CTCP Bất động sản Dầu khí                              | HNX                         | 100              | 18/10/2010     |
| CTCP Địa ốc 11   | HNX                         | 26               | 15/10/2010     |
| CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam                        | HNX                         | 550              | 13/10/2010     |
| CTCP Tư vấn Đầu tư IDICO                               | HNX                         | 20               | 06/10/2010     |
| CTCP Dược - Trang thiết bị Y tế Tân Phát               | HNX                         | 36               | 04/10/2010     |
| CTCP Than Vàng Danh - TKV                              | HNX                         | 152.8079         | 04/10/2010     |
| CTCP Văn hóa Tổng hợp Bến Thành                        | HNX                         | 33               | 04/10/2010     |
| CTCP Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng                     | HNX                         | 90               | 01/10/2010     |
| CTCP Licogi 14   | HNX                         | 28.8             | 01/10/2010     |
| CTCP Sách và thiết bị trường học Thanh Hóa             | HNX                         | 10.5             | 01/10/2010     |
| CTCP Sông Đà 10.9                                      | HNX                         | 15.5             | 01/10/2010     |
| Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện                            | HNX                         | 450              | 01/10/2010     |

### Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

| Công ty   | Địa chỉ đăng<br>ký niêm yết | VĐL<br>(tỷ đồng) | Ngày được chấp<br>thuận |
|---|-----------------------------|------------------|-------------------------|
| CTCP Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam | HNX                         | 15               | 06/10/2010              |
| CTCP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương                   | HNX                         | 1000             | 01/10/2010              |

|  |       |           |            |
|--|-------|-----------|------------|
| CTCP Vật tư Tổng hợp Phú Yên               | HSX   | 117       | 15/10/2010 |
| CTCP Lilama Thí nghiệm Cơ điện             | HNX   | 13.5      | 11/10/2010 |
| CTCP Phát triển phụ gia và Sản phẩm dầu mỏ | HNX   | 27.225    | 05/10/2010 |
| CTCP Hạng sơn Đông Á                       | HNX   | 22        | 08/10/2010 |
| CTCP Cáp Nhựa Vĩnh Khánh                   | HNX   | 130       | 08/10/2010 |
| CTCP Đầu tư và Phát triển PVI              | HNX   | 182.50708 | 04/10/2010 |
| CTCP Viễn thông Tin học Điện tử            | HNX   | 29.9601   | 01/10/2010 |
| CTCP Vận tải biển Sài Gòn                  | UPCOM | 144.2     | 01/10/2010 |

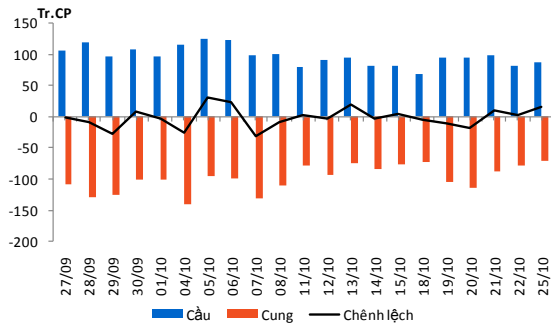
### Lịch niêm yết lần đầu

| Công ty   | Mã CK | Địa chỉ niêm yết | Vốn điều lệ (tỷ đồng) | Giá chào sàn (Đồng) | Ngày giao dịch |
|---|-------|------------------|-----------------------|---------------------|----------------|
| CTCP Đầu tư và thẩm định giá dầu khí PIV          | PIV   | HNX              | 12.00                 |                     | 08/12/2010     |
| CTCP Cấp nước Thủ Đức                             | TDW   | HNX              | 85.00                 |                     | 11/11/2010     |
| CTCP Du lịch Việt Nam Vitours                     | DLV   | UPCOM            | 29.10                 |                     | 02/11/2010     |
| CTCP Cơ khí Luyện Kim                             | SDK   | UPCOM            | 26.00                 |                     | 28/10/2010     |
| CTCP Lilama 7                                     | LM7   | HNX              | 49.57                 |                     | 28/10/2010     |
| CTCP Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường | KTT   | HNX              | 25.00                 |                     | 28/10/2010     |
| CTCP Đầu tư Địa ốc Khanh An                       | KAC   | HSX              | 200.00                |                     | 27/10/2010     |
| CTCP Hưng Vượng                                   | HVC   | UPCOM            | 69.21                 |                     | 27/10/2010     |
| CTCP Xuất nhập khẩu hàng không                    | ARM   | HNX              | 25.93                 |                     | 26/10/2010     |
| CTCP Công viên nước Đầm Sen                       | DSN   | HSX              | 84.50                 | 30,000              | 26/10/2010     |

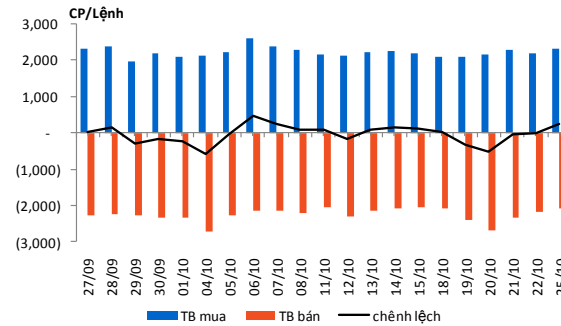
Nguồn: HSX, HSX

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

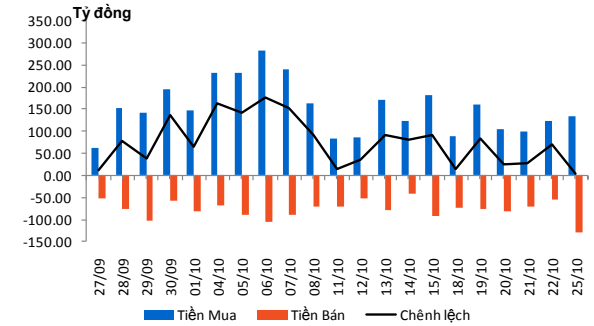
Diễn biến Cung – Cầu (niêm yết)



Diễn biến trung bình lệnh mua/bán (niêm yết)



Diễn biến giao dịch của NĐTNN (niêm yết)



HSX

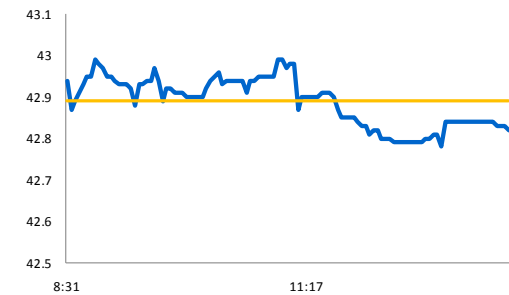
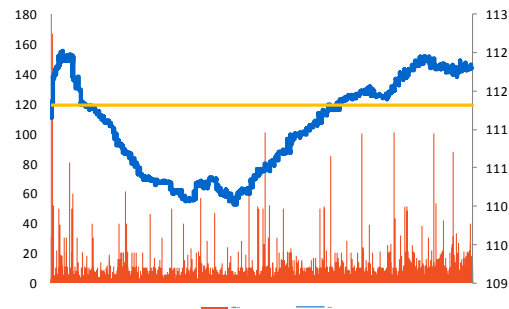
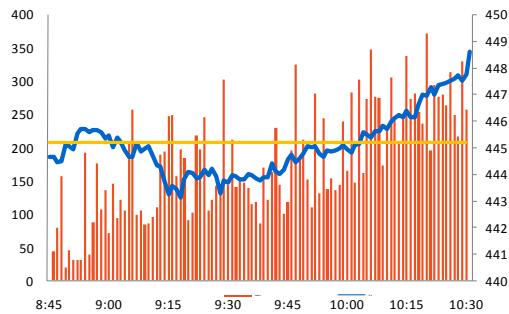
|                       | Giá trị  | Thay đổi | ± %     |
|-----------------------|----------|----------|---------|
| VN-Index              | 448.61 ↑ | 3.40     | 0.76%   |
| KLGD (triệu ck)       | 28.65 ↑  | 0.83     | 2.97%   |
| GTGD (tỷ đồng)        | 735.21 ↑ | 105.49   | 16.75%  |
| Tổng cung (triệu ck)  | 43.03 ↓  | -4.45    | -9.38%  |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 51.83 ↑  | 3.78     | 7.88%   |
| <b>Giao dịch NN</b>   |          |          |         |
| KL mua (triệu ck)     | 2.90 ↓   | -0.54    | -15.62% |
| KL bán (triệu ck)     | 3.34 ↑   | 1.51     | 82.88%  |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 125.68 ↑ | 11.90    | 10.46%  |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 126.88 ↑ | 75.78    | 148.28% |

HNX

|                       | Giá trị  | Thay đổi | ± %     |
|-----------------------|----------|----------|---------|
| HNX-Index             | 111.77 ↑ | 0.45     | 0.40%   |
| KLGD (triệu ck)       | 20.73 ↓  | -0.22    | -1.03%  |
| GTGD (tỷ đồng)        | 400.25 ↓ | -14.50   | -3.50%  |
| Tổng cung (triệu ck)  | 28.29 ↓  | -1.99    | -6.56%  |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 36.28 ↑  | 3.00     | 9.01%   |
| <b>Giao dịch NN</b>   |          |          |         |
| KL mua (triệu ck)     | 0.34 ↓   | -0.10    | -22.72% |
| KL bán (triệu ck)     | 0.11 ↓   | -0.01    | -6.67%  |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 6.95 ↓   | -3.15    | -31.16% |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 2.16 ↓   | -1.33    | -38.16% |

UPCOM

|                       | Giá trị | Thay đổi | ± %     |
|-----------------------|---------|----------|---------|
| UPCOM-Index           | 42.82 ↓ | -0.07    | -0.16%  |
| KLGD (triệu ck)       | 0.36 ↑  | 0.24     | 211.93% |
| GTGD (tỷ đồng)        | 5.29 ↑  | 3.70     | 232.32% |
| Tổng cung (triệu ck)  | 0.56 ↑  | 0.12     | 26.80%  |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 0.39 ↓  | -0.02    | -4.27%  |
| <b>Giao dịch NN</b>   |         |          |         |
| KL mua (triệu ck)     | 0.00 ↑  | 0.00     | 0.00%   |
| KL bán (triệu ck)     | 0.00 ↑  | 0.00     | 0.00%   |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 0.00 ↑  | 0.00     | 0.00%   |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 0.00 ↑  | 0.00     | 0.00%   |





### HSX

#### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %  | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VND) |
|-----|------------|----------|------|------------------------------------|
| VPL | 28,300     | 28,900   | 2.12 | 119,717                            |
| HAG | 80,000     | 80,000   | 0.00 | 40,573                             |
| KDC | 52,500     | 52,500   | 0.00 | 26,386                             |
| OGC | 25,300     | 25,300   | 0.00 | 20,666                             |
| FPT | 69,500     | 69,500   | 0.00 | 20,222                             |

#### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng  | ± %  |
|-----|------------|----------|-------|------|
| CMV | 26,000     | 27,300   | 1,300 | 5.00 |
| OPC | 38,100     | 40,000   | 1,900 | 4.99 |
| KSS | 26,200     | 27,500   | 1,300 | 4.96 |
| NTL | 60,500     | 63,500   | 3,000 | 4.96 |
| PTL | 12,100     | 12,700   | 600   | 4.96 |

#### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã    | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm   | ± %   |
|-------|------------|----------|--------|-------|
| HAI   | 30,500     | 29,000   | -1,500 | -4.92 |
| DCL   | 42,800     | 40,700   | -2,100 | -4.91 |
| MAFPF | 4,200      | 4,000    | -200   | -4.76 |
| STG   | 33,700     | 32,100   | -1,600 | -4.75 |
| HTV   | 19,100     | 18,200   | -900   | -4.71 |

#### 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VND) | Mã  | GT bán<br>(triệu VND) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| HAG | 17,090                | VPL | 36,250                |
| FPT | 13,236                | KDC | 19,437                |
| NTL | 10,941                | HAG | 15,752                |
| VIC | 10,494                | SJS | 8,536                 |
| BVH | 9,724                 | FPT | 8,126                 |

### HNX

#### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %   | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VND) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| PVX | 20,600     | 20,800   | 0.97  | 47,698                             |
| VCG | 22,100     | 22,900   | 3.62  | 23,770                             |
| KLS | 12,100     | 12,200   | 0.83  | 23,349                             |
| PVA | 42,500     | 43,500   | 2.35  | 13,142                             |
| AAA | 30,300     | 30,100   | -0.66 | 12,226                             |

#### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng  | ± %  |
|-----|------------|----------|-------|------|
| MMC | 20,000     | 21,400   | 1,400 | 7.00 |
| NPS | 15,800     | 16,900   | 1,100 | 6.96 |
| HST | 7,200      | 7,700    | 500   | 6.94 |
| HCC | 40,400     | 43,200   | 2,800 | 6.93 |
| CMI | 20,200     | 21,600   | 1,400 | 6.93 |

#### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm   | ± %   |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| HLY | 34,400     | 32,000   | -2,400 | -6.98 |
| V15 | 25,900     | 24,100   | -1,800 | -6.95 |
| SNG | 28,800     | 26,800   | -2,000 | -6.94 |
| DNC | 11,600     | 10,800   | -800   | -6.90 |
| VCV | 8,800      | 8,200    | -600   | -6.82 |

#### 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VND) | Mã  | GT bán<br>(triệu VND) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| PVX | 1,304                 | PVI | 1,641                 |
| AAA | 890                   | NTP | 415                   |
| DBC | 859                   | TC6 | 74                    |
| VCG | 674                   | KLS | 24                    |
| PVS | 647                   | AVS | 3                     |

### UPCOM

#### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %   | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VND) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| DBM | 24,200     | 22,000   | -9.09 | 2,145                              |
| NT2 | 9,700      | 9,700    | 0.00  | 641                                |
| ITD | 16,800     | 16,700   | -0.60 | 369                                |
| PSB | 9,200      | 9,100    | -1.09 | 320                                |
| PMT | 7,300      | 8,000    | 9.59  | 221                                |

#### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng  | ± %  |
|-----|------------|----------|-------|------|
| IHK | 8,100      | 8,900    | 800   | 9.88 |
| PMT | 7,300      | 8,000    | 700   | 9.59 |
| SCO | 10,600     | 11,600   | 1,000 | 9.43 |
| CLS | 8,600      | 9,200    | 600   | 6.98 |
| BMJ | 18,500     | 19,700   | 1,200 | 6.49 |

#### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm   | ± %    |
|-----|------------|----------|--------|--------|
| DDN | 27,000     | 24,300   | -2,700 | -10.00 |
| VCT | 17,000     | 15,300   | -1,700 | -10.00 |
| IME | 9,400      | 8,500    | -900   | -9.57  |
| SHF | 6,300      | 5,700    | -600   | -9.52  |
| DBM | 24,200     | 22,000   | -2,200 | -9.09  |

# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Ban Phân tích

E -mail: [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

Tel: (84-4) 3934 3888



## PSI CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

*Trụ sở chính:*

**18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999**

*Phòng giao dịch số 2:*

**Tầng 1, tòa nhà Petro Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37727308; Fax: (84-4)37727312**

*Phòng giao dịch số 3*

**Tầng 1, tòa nhà 22 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4) 39393875-77; Fax: (84-4) 39393874**

*Phòng giao dịch số 4*

**Tầng 1, số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37724434; Fax: (84-4)39426800**

*Chi nhánh TP.HCM:*

**Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919**

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

**Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521**

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

**Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339**